Chọn món theo yêu cầu

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Chọn món theo yêu cầu |
| Tóm tắt | Use case bắt đầu khi nhân viên nhận được các yêu cầu thức uống từ khách hàng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Nhân viên bán hàng chọn thức uống như yêu cầu . 2. Nhập số lượng yêu cầu 3. Chọn chức năng “ Thêm ” để thêm một thức uống đã yêu cầu . |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Thức uống đã yêu cầu rồi không thể yêu cầu thêm nữa chỉ có thể cập nhật số lượng . 2. Số lượng yêu cầu vượt quá số lượng cung cấp . |
| Tiền điều kiện | 1. Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống . 2. Phải có đủ số lượng thức uống cung cấp cho khách hàng 3. Xoá thức uống khách hàng không yêu cầu nữa |
| Hậu điều kiện | 1. Hệ thống phải ở trạng thái có thể thêm món khác |

Lập hoá đơn thanh toán

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Lập hoá đơn thanh toán |
| Tóm tắt | Use case bắt đầu sau khi nhân viên nhận được yêu cầu thanh toán các thức uống khách hàng đã yêu cầu |
| Dòng sự kiện chính | 1. Nhân viên bán hàng nhập thông tin hoá đơn ( số thẻ chờ , số tiền trả,… ) 2. Chọn chức năng thanh toán 3. Xuất hoá đơn cho khách hàng |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Thông tin nhập không họp lệ  * Số tiền khách đưa nhập vào nhỏ hơn số tiền phải trả. |
| Tiền điều kiện | 1. Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống . 2. Phải có danh sách thức uống khách hàng đã yêu cầu 3. Phải còn số thẻ chờ |
| Hậu điều kiện | 1. Hệ thống ở trạng thái chuẩn bị yêu cầu pha chế. |

Yêu cầu pha chế

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Yêu cầu pha chế |
| Tóm tắt | Use case này cho phép nhân viên bán hàng yêu cầu nhân viên pha chế thực hiện pha chế thức uống cho khách hàng đã thanh toán tiền . |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng yêu cầu pha chế 2. Hệ thống thông báo yêu cầu pha chế thành công |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Không thể yêu cầu pha chế khi chưa thanh toán |
| Tiền điều kiện | 1. Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống . 2. Khách hàng đã thanh toán hoá đơn |
| Hậu điều kiện | Không có |

Tra cứu sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Tra cứu sản phẩm |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng tìm kiếm sản phẩm trên hệ thống . |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập tên sản phẩm cần tìm . 2. Hệ thống hiển thị sản phẩm cần tìm cho người dùng |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Tên sản phẩm không hợp lệ . |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống . 2. Hệ thống phải hiển thị danh sách sản phẩm |
| Hậu điều kiện | Không có |

Tra cứu nguyên liệu

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Tra cứu nguyên liệu |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng tìm kiếm nguyên liệu trên hệ thống . |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập tên nguyên liệu cần tìm . 2. Hệ thống hiển thị nguyên liệu cần tìm cho người dùng |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Tên nguyên liệu không hợp lệ . |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống . 2. Hệ thống phải hiển thị danh sách nguyên liệu |
| Hậu điều kiện | Không có |

Thêm nguyên liệu

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Thêm nguyên liệu |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng thêm nguyên liệu mới |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào mục “ Nguyên Liệu ” 2. Người dùng nhập thông tin nguyên liệu 3. Chọn nút “ Thêm ” 4. Hệ thống lưu nguyên liệu vừa thêm , cập nhật danh sách nguyên liệu 5. Hệ thống thông báo đã thêm nguyên liệu |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Thông tin nguyên liệu nhập vào chưa hợp lệ |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Nguyên liệu mới được thêm thành công vào hệ thống |

Sửa nguyên liệu

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Sửa nguyên liệu |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng sửa thông tin nguyên liệu |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào mục “ Nguyên Liệu ” 2. Người dùng chọn nguyên liệu cần sửa thông tin trong danh sách . 3. Người dùng nhập thông tin cần sửa 4. Chọn nút “ Sửa ” 5. Hệ thống cập nhật nguyên liệu 6. Hệ thống thông báo đã cập nhật nguyên liệu |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Thông tin nguyên liệu nhập vào chưa hợp lệ |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Nguyên liệu được cập nhật thành công vào hệ thống |

Xoá nguyên liệu

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Xoá nguyên liệu |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng xoá nguyên liệu |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào mục “ Nguyên Liệu ” 2. Người dùng chọn nguyên liệu cần xoá 3. Chọn nút “ Xoá ” 4. Hệ thống xoá nguyên liệu 5. Hệ thống thông báo đã xoá nguyên liệu |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Nguyên liệu được xoá thành công khỏi hệ thống |

Dang nhâp

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Đăng nhập |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| Dòng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị form đăng nhập 2. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu 3. Chọn nút “ Đăng nhập ” 4. Hệ thống hiển thị form chính |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Tên đăng nhập và mật khẩu không hợp lệ |
| Tiền điều kiện | Không có |
| Hậu điều kiện | 1. Người dùng đăng nhập thành công sẽ vào hệ thống và có thể sử dụng các quyền mà hệ thống cho phép. |

Dang xuat

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Đăng xuất |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng đăng xuất khỏi hệ thống |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn đăng xuất 2. Tài khoản đăng xuất ra khỏi hệ thống. |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Người dùng đăng xuất hệ thống thành công |

Thêm loại sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Thêm loại sản phẩm |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng thêm loại sản phẩm mới |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào mục “ Loại sản phẩm ” 2. Người dùng nhập thông tin loại sản phẩm 3. Chọn nút “ Thêm ” 4. Hệ thống lưu loại sản phẩm vừa thêm , cập nhật danh sách loại sản phẩm 5. Hệ thống thông báo đã thêm loại sản phẩm mới |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Thông tin loại sản phẩm nhập vào chưa hợp lệ |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Loại sản phẩm mới được thêm thành công vào hệ thống |

Sửa loại sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Sửa loại sản phẩm |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng sửa thông tin loại sản phẩm |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào mục “ Loại sản phẩm ” 2. Người dùng chọn loại sản phẩm cần sửa thông tin trong danh sách . 3. Người dùng nhập thông tin cần sửa 4. Chọn nút “ Sửa ” 5. Hệ thống cập nhật loại sản phẩm 6. Hệ thống thông báo đã cập nhật loại sản phẩm |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Thông tin nguyên liệu nhập vào chưa hợp lệ |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Loại sản phẩm được cập nhật thành công vào hệ thống |

Xoá loại sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Xoá loại sản phẩm |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng xoá loại sản phẩm |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào mục “ Loại sản phẩm ” 2. Người dùng chọn loại sản phẩm cần xoá 3. Chọn nút “ Xoá ” 4. Hệ thống xoá loại sản phẩm 5. Hệ thống thông báo đã xoá loại sản phẩm |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Loại sản phẩm được xoá thành công khỏi hệ thống |

Thêm sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Thêm sản phẩm |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng thêm sản phẩm mới |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “ Sản phẩm ” 2. Người dùng nhập thông tin sản phẩm 3. Chọn nút “ Thêm ” 4. Hệ thống lưu sản phẩm vừa thêm , cập nhật danh sách sản phẩm 5. Hệ thống thông báo đã thêm loại sản phẩm mới |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Thông tin sản phẩm nhập vào chưa hợp lệ |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Sản phẩm mới được thêm thành công vào hệ thống |

Xác nhân pha chế

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Xác nhận pha chế |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng xác nhận , duyệt các phiếu pha chế sau khi đảm bảo đã pha chế thức uống cho khách hàng xong . |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “ Xác nhận pha chế ” 2. Người dùng chọn phiếu pha chế cần xác nhận 3. Chọn nút “ Xác nhận ” 4. Hệ thống cập nhật tình trạng phiếu pha chế ( tình trạng từ đang chờ chuyển sang đã pha chế ) 5. Hệ thống thông báo đã xác nhận phiếu pha chế |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống 2. Hệ thống hiển thị các phiếu pha chế đang chờ |
| Hậu điều kiện | 1. Hệ thống trở lại trạng thái ban đầu . |

Định lượng nguyên liệu

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Định lượng nguyên liệu |
| Tóm tắt | Use case này cho phép người dùng định lượng nguyên liệu cho sản phẩm cần pha chế |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “ Định lượng nguyên liệu ” 2. Người dùng chọn sản phẩm cần định lượng 3. Người dùng chọn nguyên liệu cần pha chế cho sản phẩm và nhập vào số lượng cần pha chế . 4. Sau đó chọn nút “ Thêm ” 5. Hệ thống lưu lượng nguyên liệu dùng để pha chế sản phẩm |
| Dòng sự kiện phụ | 1. Nguyên liệu đã định lượng sản phẩm rồi không thể thêm vào nữa , chỉ có thể cập nhật số lượng hoặc xoá đi . |
| Tiền điều kiện | 1. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Hệ thống trở lại trạng thái ban đầu . |